

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
Số... 63... ngày 28/02/2020	CHUYÊN
Lãnh đạo CC	
Phòng... VP. Nguyễn Văn Tuấn	
Sao.....	Số: 01/ CTCP kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Hàn /2019

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/ CTCP kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Hàn /2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT HÀN

Địa chỉ: Thôn Đồng Than, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 03213969280

Mã số doanh nghiệp: 0900461395

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bún khô

2. Thành phần: Bột gạo, nước

3. Hướng dẫn sử dụng và thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hướng dẫn sử dụng: Ngâm bún trong nước lạnh 5 phút, cho bún vào nồi đun sôi 5 đến 10 phút (phụ thuộc vào kích thước của sợi bún). Sau đó làm nguội bún bằng nước lạnh, đảo đều, vớt ra để ráo nước. Có thể dùng làm các món ăn từ bún bạn yêu thích.

- Thời hạn sử dụng: 01 năm kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi PE đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, khối lượng tịnh: 500g/túi

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Hộ KD Thái Dương, địa chỉ: thôn Quê, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty CP kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Hàn kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT – Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại trong thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 23 tháng 12 năm 2019



**NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN
BÚN KHÔ**

- **Tên sản phẩm:** BÚN KHÔ
Tên cơ sở và địa chỉ sản xuất: Hộ KD Thái Dương, địa chỉ : thôn Quê, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
- **Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT HÀN
- **Thành phần cấu tạo:** Bột gạo, nước
- **Hướng dẫn sử dụng:** Ngâm bún trong nước lạnh 5 phút, cho bún vào nồi đun sôi 5 đến 10 phút (phụ thuộc vào kích thước của sợi bún). Sau đó làm tơi sợi bún bằng nước lạnh, đảo đều, vớt ra để ráo nước. Có thể dùng làm các món ăn từ bún bạn yêu thích.
- **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 01 năm kể từ ngày sản xuất
- **Ngày sản xuất:**/...../.....
- **Khối lượng tịnh:** 500g/túi
- **Thông tin, cảnh báo:** (nếu có)

Hưng Yên, ngày 23 tháng 12 năm 2019



GIÁM ĐỐC
Chu Văn Chung



Số: 29937/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Bún khô
 2. Mã số mẫu: 11197137/DV.1
 3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon, 150 g/túi. Thông tin mẫu in dán trên túi.
 Số lượng: 1; NSX - HSD: Không có; Không có mẫu lưu
 4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
 5. Thời gian lưu mẫu: Không có
 6. Ngày nhận mẫu: 08/11/2019
 7. Thời gian thử nghiệm: 08/11/2019 - 19/11/2019
 8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Hàn
 Địa chỉ: Thôn Đồng Than, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ,
 Tỉnh Hưng Yên
 9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013	6,5 x 10 ³
9.2	<i>S. aureus</i>	CFU/g	Ref. TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4*	<i>B. cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	5,0 x 10 ¹
9.5*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.7*	Tổng số bào tử nấm mốc-men	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	1,3 x 10 ³
9.8*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,039
9.9*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,019
9.10*	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,012 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG
KẾ HOẠCH - HTQT
Nguyễn Văn Nhiên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
 4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thân Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 33332/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Bún khô
2. Mã số mẫu: 12197823/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon, 500 g/túi. Thông tin mẫu in dán trên túi.
Số lượng: 1; NSX - HSD: Không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 05/12/2019
7. Thời gian thử nghiệm: 05/12/2019 - 11/12/2019
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Hàn
Địa chỉ: Thôn Đồng Than, Xã Đồng Than, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013	9,0 x 10 ¹
9.2	<i>S. aureus</i>	CFU/g	Ref. TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4*	<i>B. cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.5*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.7*	Tổng số bào tử nấm mốc-men	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.8*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,11
9.9*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,026
9.10*	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,020
9.11*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2019

TU QUẢN VIÊN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

**TRƯỞNG PHÒNG
KẾ HOẠCH - HTQT**
Nguyễn Văn Nhiên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định